

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 403/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 03-6-2022  
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Cẩm Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Lê Văn Nghĩa

2/ Bà Đặng Thụy Thùy Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Phục - *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.*

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Phượng Tuyền – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 6 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 225/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Mai Hồng N, sinh năm 1986,

Địa chỉ: ấp TL, xã TT, huyện TPĐ, Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Hà Thanh L, sinh năm 1979,

Địa chỉ: ấp T, xã LĐ, huyện CT, Tiền Giang.

(Có mặt chị N; vắng mặt anh L)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 28-3-2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Mai Hồng N trình bày:*

Chị Mai Hồng N và anh Hà Thanh L tự nguyện chung sống từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Từ khi kết hôn, chị N và anh L chung sống hạnh phúc cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, nguyên nhân chủ yếu là trong thời gian chung sống khoảng vài tháng là anh L lại uống rượu say về đánh chị N một cách vô cớ. Chị N đã nhiều lần về nhà cha mẹ ruột ở nhưng anh L đến hàn gắn và chị N vì thương con nên đã về chung sống với anh L để cùng lo cho con. Tuy nhiên, anh L vẫn không thay đổi. Từ tháng 10/2021 cho đến nay chị đã về nhà cha mẹ ruột sống và cắt đứt quan hệ vợ chồng với anh L. Mặc dù, chị N và anh L đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị N và anh L có 02 con chung tên Hà Mai Tấn L1, sinh ngày 10/5/2006 và Hà Mai Tấn Đ, sinh ngày 20/01/2015. Từ khi ly thân, con chung do anh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cuộc sống ổn định, đảm bảo về mặt vật chất, tinh thần. Khi ly hôn, chị N đề nghị anh L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung, chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Theo bản tự khai ngày 21-4-2022 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn Hà Thanh L trình bày:*

Anh L thống nhất lời trình bày của chị N về thời gian cưới, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh L thừa nhận nhiều lần khi uống rượu về anh L có dùng tay đánh chị N vì anh đã say rượu nên không kiểm soát được hành vi của mình, không phải do lỗi của chị N. Chị N cũng đã nhiều lần về nhà cha mẹ ruột ở nhưng anh có đến hàn gắn và chị N vì thương con nên đã về chung sống với anh để cùng lo cho con. Tuy nhiên từ tháng 10/2021 cho đến nay chị N đã về nhà cha mẹ ruột sống và cắt đứt quan hệ vợ chồng với anh L, lý do cũng vì anh uống rượu say về đánh chị N. Trong thời gian ly thân anh L đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, chị N vẫn yêu cầu ly hôn. Nay anh không đồng ý ly hôn

theo yêu cầu của chị N vì anh còn thương vợ thương con, mong muốn vợ chồng hàn gắn để cùng lo cho con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hà Mai Tấn L1, sinh ngày 10/5/2006 và Hà Mai Tấn Đ, sinh ngày 20/01/2015. Nếu ly hôn, anh L yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

*\* Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn Mai Hồng N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Hà Thanh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng anh L vắng mặt không lý do.

*\* Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ có mặt khi Tòa án triệu tập.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ quy định Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Mai Hồng N: Cho chị Mai Hồng N và anh Hà Thanh L ly hôn; Về nuôi con chung nhằm đảm bảo định cuộc sống cho cháu Hà Mai Tấn L1 và Hà Mai Tấn Đ, đề nghị giao con chung cho anh Hà Thanh L tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không xem xét do các bên không tranh chấp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Mai Hồng N yêu cầu ly hôn với bị đơn Hà Thanh L có nơi cư trú tại ấp Trung, xã Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang theo qui định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh L đã được

triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị Mai Hồng N và anh Hà Thanh L xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2004 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời khai của chị Mai Hồng N và anh Hà Thanh L đã thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn, điều kiện nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung. Do vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tình tiết nêu trên là sự thật.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh L, Hội đồng xét xử thấy rằng mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống chị N và anh L lại phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được, khiến cho mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị cũng đã ly thân một khoảng thời gian dài. Mặc dù, anh L không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian qua anh L và chị N mỗi người sống ở một nơi và không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện anh chị muốn hàn gắn lại với nhau. Quá trình Tòa án làm việc thì chị N xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, không thể sống chung được nữa nên chị N vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh L. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn trong hôn nhân của anh chị đã rất trầm trọng, cuộc sống chung của anh chị là không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh L.

[3] Về con chung: Cháu Hà Mai Tấn L1 và Hà Mai Tấn Đ chưa đủ 18 tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha hoặc mẹ. Giữa chị N và anh L đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của cháu L1 và cháu Đ, nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giao con chung tên Hà Mai Tấn L1, sinh ngày 10/5/2006 và Hà Mai Tấn Đ, sinh ngày 20/01/2015 cho anh L được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị N có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hà Thanh L chưa yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí thì chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

*- Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;*

*- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;*

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu của chị Mai Hồng N.

1/ Về hôn nhân: Nguyên đơn Mai Hồng N được ly hôn với bị đơn Hà Thanh L.

2/ Về con chung: Giao cháu Hà Mai Tấn L1, sinh ngày 10/5/2006 và Hà Mai Tấn Đ, sinh ngày 20/01/2015 cho anh Hà Thanh L được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Mai Hồng N chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh L chưa yêu cầu.

Chị Mai Hồng N có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/ Về án phí: Nguyên đơn Mai Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị đã tạm nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004195 ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, do đó xem như đã nộp xong án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi Cục THADS huyện Châu Thành, TG;
- UBND xã Long Định, CT, TG;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

ĐÃ KÝ

**Bùi Thị Cẩm Loan**